

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 07-12-2021
“V/v tranh chấp ly hôn và tranh
chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Trần Văn Quán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2020/HNGĐ-ST ngày 31-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Tấn A, sinh năm 1971.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 424 ấp Bình Hòa, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị B.

(Ông A, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đào Tấn A trình bày: Do quen biết, ông và bà Huỳnh Thị B sống chung năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2005. Sau khi sống chung vợ chồng sống tại số 424 ấp Bình Hòa, xã X,

huyện Y, tỉnh Long An, vợ chồng sống chung do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân cách đây khoảng 1 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Đào Thị Diễm C, sinh ngày 14/9/2005 và Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008. Sau khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con chung muốn sống chung với ai.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Đào Tấn A về thời gian vợ chồng chung sống, quá trình chung sống, con chung.

Vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông A có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác cách đây khoảng 3 năm. Bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đào Tấn A vì bà còn thương chồng và mong muốn được đoàn tụ để cùng lo cho các con.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Đào Thị Diễm C, sinh ngày 14/9/2005 và Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008. Trường hợp Tòa án cho ly hôn theo yêu cầu của ông A thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và ông A phải cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 745.000đ/tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có sổ vàng cưới là 3,5 chỉ vàng 24k do bà Nguyễn Thị E (mẹ chồng) cho vào ngày cưới. Sau khi cưới được 7 ngày, bà E yêu cầu bà đưa bà E cất giữ cho đến nay. Nay bà yêu cầu ông A trả cho bà sổ vàng cưới là 3,5 chỉ 24k.

Năm 2010 ông Đào Văn F (là ba chồng) có cho vợ chồng phần đất diện tích 1.000m² và vợ chồng có cất nhà trên phần đất ông F đứng tên (không có làm thủ tục sang tên). Vợ chồng có bỏ ra số tiền 20.000.000đ và Ủy ban nhân dân xã X có hỗ trợ số tiền 15.000.000đ để vợ chồng cất nhà. Sau đó, ông F và ông A đã bán phần đất này cho người khác chỉ còn phần đất 8 x 4 = 32m² cùng với căn nhà tình thương. Sau khi ly hôn bà yêu cầu công nhận nhà và đất này là của bà để bà cùng các con sinh sống.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 31-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đào Tấn A về việc yêu cầu “ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bà Huỳnh Thị B.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đào Tấn A và bà Huỳnh Thị B.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Đào Thị Diễm C, sinh ngày 14/9/2005 cho ông Đào Tấn A được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008 cho bà Huỳnh Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đào Tấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung 745.000đ/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu từ ngày 31/5/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà B không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Án phí: Ông Đào Tấn A phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004384 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Ông A phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/6/2021, bà Huỳnh Thị B kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được nuôi hai con chung, được sử dụng căn nhà và phần đất 200m², buộc ông Đào Tấn A trả cho bà 1.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi hai con chung đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- Bà Huỳnh Thị B tranh luận: Bà yêu cầu giao hai con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, vì con do bà đẻ ra chứ không phải bà nội đẻ nên con chung tên Diễm C đang ở với bà nội thì bà không đồng ý. Đồng thời, yêu cầu Tòa án cho bà giấy tờ về phần đất 200m² để sau này cơ quan chức năng của huyện vào cất nhà cho bà thì gia đình bên ông A không ngăn cản.

- Ông Đào Tấn A tranh luận: Ngay từ đầu ông không giành quyền nuôi con mà để cho con muốn ở với người nào thì người đó nuôi, vì con chung tên Diễm C cũng đã hơn 17 tuổi, đang học lớp 12, đã thể hiện ý kiến là muốn sống cùng với ông và đang ở cùng mẹ ruột ông từ lúc mới lên 03 tuổi cho đến nay. Cha mẹ của ông rất thương cháu và lo cho ăn học từ nhỏ đến hiện nay. Tuy nhiên, bà B cứ tranh giành quyền trực tiếp nuôi con, để không phải tranh chấp thêm gây gắt, ông đồng ý giao con chung tên Diễm C cho bà B nuôi dưỡng.

Đối với phần đất diện tích 200m², trên đất có căn nhà tình thương thì ông đại diện gia đình (vì ông là con trai lớn trong nhà) cam kết rằng, khi con chung tên Đào Văn D tròn 18 tuổi thì sẽ để lại cho con ở, không đòi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị B yêu cầu được nuôi con chung tên Đào Thị Diễm C vì bà cho rằng con do bà đẻ ra thì bà có quyền nuôi chứ bà nội cháu không có quyền nuôi, ông A thì có vợ nhỏ bỏ đi. Tại phiên tòa ông A cũng đồng ý giao cháu Đào Thị Diễm C cho bà B nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sự thỏa thuận của hai bên.

Đối với phần tài sản chung, căn cứ vào lời trình bày của bà B tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 61) bà xác định có nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án khi bà nộp đơn yêu cầu chia tài sản nhưng bà không có tiền đóng. Căn cứ vào Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà phải có nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu của mình thì mới được Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên với yêu cầu này bà có thể khởi kiện thành vụ kiện khác sau khi giải quyết ly hôn với ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Huỳnh Thị B kháng cáo hợp lệ và thực hiện các thủ tục hợp lệ nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo xác nhận ngày 26/11/2020 của Công an xã X, huyện Y thì bà B có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/05, quyển số 01 ngày 10/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đào Tấn A và bà Huỳnh Thị B là hợp pháp.

Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An đã tuyên xử “*Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đào Tấn A và bà Huỳnh Thị B*” và không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[2.2] Về con chung: Ông A và bà B khai thống nhất có 02 con chung gồm Đào Thị Diễm C, sinh ngày 14/9/2005 và Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008. Tại phiên tòa, ông A đồng ý giao con chung tên Đào Thị Diễm C cho bà Huỳnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện của ông A. Tuy nhiên, tại bản trình bày ý kiến ngày 04/01/2021 của cháu Diễm C đã thể hiện muốn sống cùng với

cha là ông Đào Tấn A khi ông A và bà B ly hôn. Đây là nguyện vọng chính đáng của cháu C và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hơn nữa, hiện tại cháu C sống tại nhà gia đình bên ruột ông A cách nơi ở của bà B chưa đến 100m như bà B thừa nhận tại phiên tòa nên việc giao con chung cho ông A nuôi không ảnh hưởng việc thăm nom, quan tâm, chăm sóc con chung của bà B. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu C cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định pháp luật; việc thỏa thuận giữa ông A và bà B không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được công nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà B có đơn khởi kiện ngày 12/5/2021 gửi đến Tòa án để tranh chấp tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 185/2021/TB-TA ngày 14/5/2021 và giao cho bà B cùng ngày nhưng bà B không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trên cơ sở yêu cầu của bà B là đúng quy định của pháp luật. Do đó, bà Huỳnh Thị B kháng cáo là không có cơ sở xem xét.

[2.4] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về tài sản chung và nợ chung nhưng không tuyên xử tại phần quyết định của bản án là thiếu sót. Lẽ ra, về phần tài sản chung và nợ chung Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên “không xem xét giải quyết”, do vậy cần bổ sung tại phần quyết định của bản án để nhằm xem xét giải quyết toàn diện vụ án hôn nhân và gia đình.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của bà Huỳnh Thị B không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị B phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 31-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 148, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đào Tấn A về việc yêu cầu “ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bà Huỳnh Thị B.

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đào Tấn A và bà Huỳnh Thị B.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đào Thị Diễm C, sinh ngày 14/9/2005 cho ông Đào Tấn A được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008 cho bà Huỳnh Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng:

[3.1] Buộc ông Đào Tấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Đào Văn D, sinh ngày 27/10/2008 số tiền 745.000đ/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu từ ngày 31/5/2021 cho đến khi con chung tên D đủ 18 tuổi.

[3.2] Bà B không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Đào Tấn A phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004384 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Ông A phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[7] Án phí phúc thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà bà B đã tạm nộp theo biên lai thu số 0007112 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh